

ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NÔNG DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

VŨ THỊ THU HIỀN^(*)

Phân ngành: Triết học - Xã hội học - Chính trị học

Tóm tắt: Bằng phương pháp tổng quan tài liệu từ Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê của các địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), bài viết phân tích thực trạng đảm bảo an sinh xã hội (ASXH) đối với nông dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm ổn định sinh kế, đảm bảo thu nhập và bảo vệ quyền lợi cho nông dân thuộc vùng. Kết quả cho thấy, biến đổi khí hậu (BĐKH) đã tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực đời sống của người nông dân, từ hoạt động sản xuất cho đến sinh hoạt hàng ngày. Điều này đã khiến cho người nông dân vùng ĐBSCL đối diện với nhiều rủi ro. Vì vậy, đảm bảo ASXH được triển khai thực hiện thông qua 4 trụ cột: thực hiện chính sách việc làm; bảo hiểm xã hội; trợ giúp xã hội và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Các trụ cột này đã có nhiều kết quả tích cực, giúp cho người dân có nguồn lực vượt qua thách thức. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện ASXH vẫn còn tồn tại không ít hạn chế. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH cho người nông dân của vùng thích ứng với BĐKH như nâng cao nhận thức của người dân, phân cấp cho địa phương trong thực hiện chính sách ASXH, hỗ trợ dài hạn, khuyến khích tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo nghề nghiệp và các nhóm xã hội, đẩy mạnh số hóa các trụ cột ASXH.

Từ khóa: An sinh xã hội; Biến đổi khí hậu; Đồng bằng sông Cửu Long; Nông dân.

ENSURING SOCIAL SECURITY FOR FARMERS IN THE MEKONG DELTA IN THE CONTEXT OF CLIMATE CHANGE

Abstract: By reviewing documents from the General Statistics Office, Statistics Departments of localities in the Mekong Delta (Mekong Delta), the article analyzes the current situation of ensuring social security for farmers as one of the important tasks to stabilize livelihoods. Ensuring income and protecting the interests of farmers in the region. The findings indicate that climate change has exerted profound impacts on all aspects of farmers' lives, ranging from production activities to daily living. This has exposed farmers in the Mekong Delta to numerous risks. Accordingly, social security provision is examined through four key pillars: employment policies, social insurance, social assistance, and access to basic social services. These pillars have achieved notable positive outcomes, enabling farmers to mobilize resources to cope with emerging challenges. However, the implementation of social security policies still faces several limitations.

^(*) Học viện Chính trị khu vực IV.

From there, the article proposes a number of solutions to contribute to improving the effectiveness of ensuring social insurance for farmers in the region to adapt to climate change such as raising people's awareness, decentralizing localities in implementing social protection policies, long-term support, encouraging participation in voluntary social insurance according to occupations and social groups, etc promote the digitization of social security pillars.

Keywords: *Climate change; Farmers; Mekong Delta; Social security.*

Ngày nhận bài: 16/5/2025; Ngày gửi phản biện: 18/5/2025; Ngày sửa chữa: 15/01/2026; Ngày duyệt đăng bài: 09/2/2026.

1. Sự cần thiết đảm bảo an sinh xã hội cho người nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu

ĐBSCL là một trong những vùng kinh tế - xã hội trọng điểm của cả nước với nhiều tiềm năng, lợi thế về phát triển nông nghiệp; là vựa lúa của cả nước, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Mặc dù vậy, lợi thế này đã và đang chịu sự đe dọa từ BĐKH và nước biển dâng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Thời gian qua, BĐKH đã gây thiệt hại ước tính hàng trăm ngàn hecta đất bị ngập, hàng triệu người có thể bị mất nhà cửa nếu nước biển dâng cao. Sản lượng lương thực có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia. Diện tích canh tác nông nghiệp sử dụng nguồn nước ngọt như lúa, hoa màu, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản sẽ bị thu hẹp, năng suất và sản lượng có nguy cơ suy giảm. “Theo kịch bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố đối với tác động của BĐKH, nếu mực nước biển dâng 100cm thì nguy cơ ngập cho ĐBSCL sẽ lên tới 47,29% và khoảng 570.000 ha lúa sẽ bị ngập” (Hoàng Văn, 2022). Theo đó, hạn - mặn mùa khô 2023 -2024 đã khiến 1.189 ha lúa bị giảm năng suất, trong đó 43 ha mất trắng tại Sóc Trăng. Hơn 73.000 hộ dân thiếu nước sinh hoạt, nhiều vùng ven biển Bến Tre, Trà Vinh, Cà Mau buộc phải khoan giếng sâu hoặc chở nước bằng sà lan từ tỉnh khác về (Cục BĐKH, 2025).

Nông dân là một trong những đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề từ tác động của BĐKH. Các hiện tượng thời tiết cực đoan đã diễn ra ngày càng nhiều, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế. Theo Tổng cục Thống kê (2023: 115), toàn vùng ĐBSCL có 12.682 nghìn người đang sinh sống ở nông thôn (chiếm 72,6%). Đa số người dân nông thôn có sinh kế nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Trong khi đó, các loại sinh kế này gắn liền với đất và nước. Vì thế, người dân nông thôn thường có tính dễ bị tổn thương cao. Nông dân, ngư dân và diêm dân là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trước tác động của BĐKH dẫn đến thiếu hụt các nguồn lực trong ứng phó với các điều kiện bất lợi của tự nhiên và xã hội.

Như vậy, đảm bảo ASXH cho nông dân trong bối cảnh BĐKH là một trong những nhiệm vụ cần thiết và cấp bách trong bối cảnh hiện nay, góp phần giảm thiểu tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên, thúc đẩy ổn định sinh kế, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống của nông dân.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Theo ILO (2024: x), ASXH là nền tảng cho thích ứng với BĐKH, góp phần giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của tính dễ bị tổn thương bằng cách hạn chế nghèo đói, loại trừ xã hội và giảm bất bình đẳng. Đồng thời, ASXH tăng cường khả năng ứng phó của người dân trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, bảo đảm thu nhập tối thiểu và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Trong bối cảnh BĐKH ở ĐBSCL, sinh kế của người nông dân rất dễ bị tổn thương bởi đa số sinh kế của họ đều gắn với đất và nước (Nguyễn Tiến Dũng và Phan Thuận, 2024). Vì thế, người nông dân dễ bị rơi vào tình trạng thiếu hụt các nguồn lực để đảm bảo sinh kế trước những tác động không mong đợi từ BĐKH. Do đó, ASXH đóng vai trò quan trọng đối với khả năng thích ứng của nông dân với những rủi ro của thiên tai.

Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO): “ASXH là sự bảo vệ mà xã hội thực hiện đối với các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng để chống lại sự cùng quẫn về kinh tế và xã hội” (Võ Khánh Vinh, 2011: 327). Điều 25, Hiến chương Liên hiệp quốc năm 1948 khẳng định “... Mọi người dân và hộ gia đình đều có quyền có một mức tối thiểu về sức khỏe và các phúc lợi xã hội bao gồm ăn, mặc, chăm sóc y tế (bao gồm cả thai sản), dịch vụ xã hội cần thiết và có quyền được an sinh khi có các biến cố về việc làm, ốm đau, tàn tật, góa phụ, tuổi già, v.v. hoặc trong các trường hợp bất khả kháng khác...” (Dẫn theo: Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức, 2013: 9). Như vậy, theo quan điểm của tổ chức ILO và tổ chức Liên hiệp quốc, ASXH là một trong những quyền cơ bản của con người được xã hội bảo vệ khi gặp rủi ro, biến cố trong cuộc sống, bảo đảm cho họ có cuộc sống an toàn, ổn định. Đảm bảo an sinh góp phần phát huy quyền làm chủ của người dân, tạo sự đồng thuận, ổn định về chính trị, xã hội. Nhằm đáp ứng nhu cầu an sinh đa dạng, hệ thống ASXH được thiết kế bao gồm 4 trụ cột cơ bản: (i) giải quyết việc làm, (ii) bảo hiểm xã hội, (iii) trợ giúp xã hội, (iv) tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Đây là những trụ cột an sinh cơ bản nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người dân phòng ngừa, khắc phục rủi ro từ tác động bất thường của tự nhiên và xã hội.

Đảm bảo ASXH cho người dân trong đó bao gồm đối tượng nông dân là một trong những chỉ đạo xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt từ sau Đổi mới, đảm bảo ASXH ngày càng được chỉ đạo quyết liệt và quyết tâm hơn. Tại Đại hội lần thứ VI (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phải ổn định đời sống kinh tế, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội. “Cụ thể là, bảo đảm ăn đủ no, có thêm dinh dưỡng, mặc đủ ấm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hóa, tăng thêm đồ dùng thiết yếu của các gia đình, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019, phần 1: 43). Đến Đại hội XII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quan niệm rằng: “ASXH là một hệ thống chính sách và giải pháp nhằm bảo vệ mức sống tối thiểu của người dân trước những rủi ro và tác động bất thường về kinh tế, xã hội và môi trường; vừa không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân” (Dẫn theo: Phùng Hữu Phú và cộng sự, 2016: 18). Điều này có nghĩa rằng, ASXH là quá trình xã hội tạo ra lưới an toàn với nhiều tầng, nhiều lớp khác nhau để trợ giúp những đối tượng gặp rủi ro trong cuộc sống,

đặc biệt đối với nông dân trong bối cảnh BĐKH ngày càng gia tăng. Vấn đề đảm bảo ASXH cho người dân bao gồm đối tượng nông dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng tiếp tục được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 47). Như vậy, đảm bảo ASXH cho người dân bao gồm đối tượng nông dân là chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta góp phần hỗ trợ, giúp đỡ những người nông dân gặp rủi ro, khó khăn trong cuộc sống và trong quá trình lao động sản xuất trước những tác động bất thường của tự nhiên, xã hội, tạo điều kiện cho họ có cơ hội việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đảm bảo quyền lợi cho nông dân, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội. Đây là mục tiêu chính trị quan trọng nhất để hiện thực hóa mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đảm bảo đời sống ấm no, hạnh phúc cho toàn dân, trong đó nông dân là lực lượng đóng vai trò quan trọng.

Ở ĐBSCL, trong thời gian qua, đã ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết mang tính chất đặc thù như: Nghị quyết số 120/NQ - CP của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là những văn bản quan trọng mang tính chất định hướng đối với vùng ĐBSCL trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế gắn với thực hiện có hiệu quả chính sách ASXH, chú trọng nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống của nông dân trong bối cảnh BĐKH.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chủ yếu là tổng quan nghiên cứu tài liệu từ số liệu của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL và các báo cáo của địa phương thuộc vùng ĐBSCL. Sở dĩ nghiên cứu sử dụng các nguồn số liệu, dữ liệu trên đây là do các thông tin này là nguồn tài liệu chính thống, đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy. Số liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê của các tỉnh được sử dụng để phân tích trong bài viết này là số liệu tại thời điểm chưa sáp nhập địa giới hành chính.

3. Thực trạng đảm bảo an sinh xã hội cho người nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu

3.1. Tác động của biến đổi khí hậu đối với đời sống xã hội của nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Trong những năm qua, tình hình hạn mặn trong vùng diễn biến khá phức tạp và thường xuất hiện chủ yếu vào tháng 4 hoặc tháng 5 hằng năm do ảnh hưởng của thủy triều ở biển Đông, biển Tây hoặc cả hai. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này trước hết là do lưu lượng nước từ thượng nguồn sông Mêkong đổ về hạ nguồn ít cộng với yếu tố thủy triều đã mang nước biển đi sâu vào các kênh mương nội đồng, khiến cho tình trạng xâm nhập mặn diễn ra ở ven biển ĐBSCL. Thứ hai, lượng mưa giảm, lượng nước bị bốc hơi cao cũng là những yếu tố khiến cho hạn mặn xảy ra nghiêm trọng hơn. Qua quan sát tại Trạm quan trắc Cà Mau cho thấy, lượng mưa ở ĐBSCL ít, thường tập trung từ tháng 12

cho đến tháng 4 hằng năm (Dẫn theo: Nguyễn Tiến Dũng và Phan Thuận, 2024). Điều này khiến tình trạng bốc hơi nhanh và làm tăng độ mặn. Thứ ba, yếu tố con người cũng góp phần không nhỏ gây ra xâm nhập mặn như khai thác và sử dụng nước ngầm quá mức để đáp ứng nhu cầu phát triển, sản xuất và đời sống ở địa phương, thay đổi mục đích sử dụng đất cũng có ảnh hưởng nhất định đến tình hình xâm nhập mặn.

Tình trạng hạn mặn đã ảnh hưởng nặng nề đến đời sống sinh hoạt của người dân trong vùng. Mùa khô năm 2024, hạn hán và xâm nhập mặn đã làm hơn 50.000 hộ dân ở ĐBSCL bị thiếu nước sinh hoạt; gần 1.000 tuyến đường, bờ kênh, nhà ở, kho xưởng, cầu giao thông bị hư hỏng, đổ sập do sụt lún, sạt lở; hàng ngàn ha rau màu bị thiếu nước tưới, chết khô; hàng trăm ha rừng bị cháy rụi; v.v. Ngoài ra, cả vùng hiện có hơn 800 khu vực sạt lở với tổng chiều dài hơn 1.000km; trung bình mỗi năm mất từ 300 đến 500 ha đất do lở bờ sông, bờ biển. Tính riêng tỉnh Cà Mau (cũ), từ năm 2011 đến năm 2024 đã có hơn 350 km bờ biển bị sạt lở, làm mất hơn 5.300 ha đất sản xuất, đất ở và rừng ngập mặn (Hà My, 2024).

Có thể thấy, BĐKH đã khiến cho môi trường tự nhiên vùng ĐBSCL trở nên khắc nghiệt hơn và tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống của người nông dân, từ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho đến sinh hoạt hàng ngày. Do đó, đảm bảo ASXH đối với người dân nhằm tạo “lưới sinh an” giúp cho họ vượt qua những rủi ro, thách thức từ sự khắc nghiệt của thiên nhiên.

3.2. Hiệu quả của các chính sách an sinh xã hội đối với nông dân vùng ĐBSCL

Các trụ cột của ASXH được thể hiện qua Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, Nghị quyết 15-NQ/TW của Đảng về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030. Theo đó, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định hệ thống ASXH toàn diện, đa tầng gồm 4 trụ cột chính: (1) Vấn đề việc làm (đào tạo nghề, tạo việc làm cho người yếu thế; hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng bởi BĐKH); (2) Bảo hiểm xã hội; (3) Trợ giúp xã hội (trợ cấp thường xuyên hoặc đột xuất cho người dễ bị tổn thương); và (4) Đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, v.v.). Đây cũng là những trụ cột an sinh cơ bản đối với nông dân. Để hiện thực hóa các trụ cột này, vùng ĐBSCL đã ban hành và triển khai thực hiện các chính sách cụ thể góp phần đảm bảo ASXH cho nông dân trong bối cảnh BĐKH. Các chính sách này có mối quan hệ gắn bó với nhau tạo thành một mạng lưới an sinh gồm nhiều tầng, nhiều nấc bảo vệ quyền lợi cho nông dân, đảm bảo công bằng xã hội.

3.2.1. Đảm bảo việc làm cho người nông dân

Đảm bảo việc làm là một trong những chính sách giúp nông dân có thu nhập ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Thời gian qua, ĐBSCL đã có nhiều chính sách ASXH để đảm bảo việc làm gồm: Chính sách đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm cho lao động nông thôn thông qua chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định 1965/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, góp phần thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022 - 2025;

Chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ khởi nghiệp nông nghiệp. Việc triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm ở các tỉnh ĐBSCL đã góp phần tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người nông dân. Kết quả thống kê cho thấy, số người có việc làm từ 15 tuổi trở lên tính đến quý IV năm 2023 ở vùng nông thôn ĐBSCL là 6.882,3 người (Tổng cục Thống kê, 2023: 102) (cao thứ ba so với các vùng kinh tế - xã hội trong cả nước) (xem bảng 1). Điều này cho thấy, tỉ lệ lao động nông thôn từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong Quý IV năm 2023 ở các tỉnh, thành ĐBSCL là một dấu hiệu tích cực cho thấy lực lượng lao động nông thôn đang tham gia ngày càng sâu vào các hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế địa phương. Sở dĩ là do, thời gian qua, các địa phương đã triển khai hiệu quả các chương trình của trung ương và địa phương như: Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, khuyến công, khuyến nông, chính sách chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi, phát triển sản phẩm OCOP, khuyến khích hộ kinh doanh, hợp tác xã kiểu mới ở nông thôn đã góp phần nâng cao năng lực tiếp cận việc làm của lao động nông thôn của vùng trong thời gian qua. Ngoài ra, Hội nông dân đã phối hợp với các sở, ngành tổ chức các lớp đào tạo nghề cho nông dân, đẩy mạnh tư vấn, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ mới thích ứng với BĐKH góp phần hạn chế tác động của tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến hoạt động lao động sản xuất, tạo việc làm bền vững cho nông dân.

Bảng 1: Số lao động nông thôn có việc làm từ 15 tuổi trở lên Quý IV năm 2023 theo giới tính (Nghìn người)

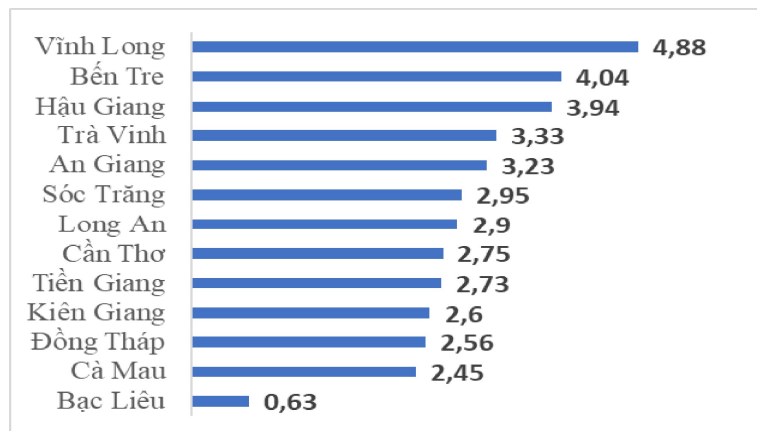
	Chung	Nam	Nữ
Trung du và miền núi phía Bắc	4733	2541	2192
Đồng bằng sông Hồng	7492	3802	3690
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	6987	3670	3317
Tây Nguyên	2583	2031	552
Đông Nam Bộ	3633	2031	1602
ĐBSCL	6882	3950	2932

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023).

Bên cạnh những kết quả đạt được, tỉ lệ thiếu việc làm của lao động nông thôn vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Toàn vùng có 3,01% lao động từ 15 tuổi trở lên ở nông thôn thiếu việc làm, khá cao so với các vùng kinh tế - xã hội khác (Đông Nam Bộ là 1,68%; Đồng bằng sông Hồng là 0,99%; Trung du và miền núi phía Bắc là 1,83%) (Tổng cục Thống kê, 2023: 160). Trong đó, một số tỉnh có tỉ lệ lao động nông thôn thiếu việc làm khá cao như: Vĩnh Long (cũ) (4,88%), Bến Tre (cũ) (4,04%), Hậu Giang (cũ) (3,94%), Trà Vinh (cũ) (3,33%) và thấp nhất là tỉnh Bạc Liêu (cũ) (0,32%), Cà Mau (cũ) (2,45%) (xem Biểu đồ 1). Điều này cho thấy, có sự khác biệt về tỉ lệ thiếu việc làm của lao động nông thôn từ 15 tuổi trở lên ở các địa phương. Sự khác biệt này không chỉ do địa phương tạo công ăn việc làm hiệu quả mà còn yếu tố di cư tác động. Việc xuất cư ra khỏi địa phương cũng làm cho tỉ lệ

này thấp, theo đó, tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu có tỉ suất xuất cư năm 2023 lần lượt là 11,3 % và 10,8 %, cao nhất toàn vùng (Tổng cục Thống kê, 2023a: 297).

Biểu đồ 1: Tỷ lệ lao động nông thôn từ 15 tuổi trở lên thiếu việc làm năm 2023 (%)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023).

Ở bảng số liệu 1 cho thấy, số lao động nữ nông thôn có việc làm thấp hơn so với nam giới. Theo đó, tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động nữ ở nông thôn là 2,34% so với 2,22% của lao động nam (Tổng cục Thống kê, 2023: 179), trong đó tỉ lệ thất nghiệp này thường tập trung vào nhóm lao động thanh niên (15 - 24 tuổi) của nữ là 61,6% so với của nam là 45,2% (Tổng cục Thống kê, 2023: 177). Điều này cho thấy, cơ hội việc làm của lao động nữ ở nông thôn vùng ĐBSCL còn khá hạn chế và có thể thấy vẫn còn khoảng cách giới trong cơ hội tiếp cận việc làm của lao động ở nông thôn vùng ĐBSCL. Ngoài ra, chất lượng lực lượng lao động ở nông thôn còn thấp. Lao động nông thôn không có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm 88,8%, cao hơn so với các vùng kinh tế - xã hội khác (trừ Tây Nguyên) (Tổng cục Thống kê, 2023: 110). Nếu không có những cải cách sâu rộng về chính sách đào tạo nghề, phát triển doanh nghiệp nông thôn, tình trạng này sẽ gây cản trở cho mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nông dân vùng ĐBSCL trong bối cảnh BĐKH.

3.2.2. Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội là một trong những trụ cột quan trọng của chính sách ASXH, góp phần hạn chế và ngăn ngừa rủi ro đối với người nông dân. Bảo hiểm xã hội được xem là “phao cứu” đối với người dân trước những biến cố trong cuộc sống. Nhà nước có chính sách hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho nông dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân tộc thiểu số. Mức hỗ trợ được quy định trong Luật Bảo hiểm xã hội và các nghị định hướng dẫn của Nhà nước. Bên cạnh đó, nhằm hiện thực hóa mục tiêu bao phủ của BHXH, cấp ủy, chính quyền địa phương và các tổ chức Hội đã có sự phối hợp trong triển khai thực hiện công tác vận động, tuyên truyền nông dân tham gia BHXH tự nguyện với mục đích giúp cho người lao động nông thôn có lương hưu khi về già, giảm phụ thuộc vào con cháu. Đây là bước tiến quan trọng trong

mở rộng diện bao phủ bảo hiểm đối với toàn dân. Theo đó, các tỉnh/thành phố ĐBSCL đã chủ động triển khai thực hiện các chính sách góp phần làm thay đổi tích cực nhận thức của nông dân tham gia bảo hiểm xã hội. Thành phố Cần Thơ là một trong những địa phương rất tích cực vận động và hỗ trợ người dân nói chung, nông dân nói riêng tham gia bảo hiểm xã hội. Thành phố đang tích cực triển khai chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội cho nông dân. Một số xã xây dựng mô hình “Liên hiệp bảo hiểm xã hội tự nguyện”, vận động và tư vấn người dân đăng kí qua các tổ chức Hội Nông dân cấp xã. Nhiều địa phương như thành phố Cần Thơ, An Giang, Bến Tre đã hỗ trợ hộ nghèo và cận nghèo đóng bảo hiểm từ ngân sách ít nhất 30% mức đóng; nếu xã, phường có ngân sách hoặc đối tác hỗ trợ thêm, mức hỗ trợ có thể lên tới 50%. Ở tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, việc triển khai chính sách bảo hiểm xã hội cho nông dân phổ biến thông qua hệ thống Hội Nông dân với mô hình tư vấn và vận động hộ tham gia. Tại nhiều xã ở nông thôn, Hội viên nông dân được tập huấn về lợi ích bảo hiểm xã hội, hướng dẫn thủ tục đóng qua tổ chức xã và quỹ hỗ trợ của cấp huyện hoặc tỉnh. Có thể thấy, Hội nông dân phát huy vai trò trong vận động nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Ở một số tỉnh ĐBSCL, hỗ trợ bảo hiểm xã hội gắn với các chính sách tập huấn nghề, vay vốn tín dụng, giúp người nông dân có thể duy trì sinh kế trong bối cảnh BĐKH, đảm bảo nguồn thu để đóng bảo hiểm xã hội đều đặn.

Kết quả cho thấy, thành phố Cần Thơ trong 9 tháng đầu năm 2024, các cấp Hội đã vận động mới được 803/410 sổ bảo hiểm xã hội tự nguyện (đạt 195% so với chương trình phối hợp đề ra), nâng tổng số đến nay được 4.948 sổ, đạt 5,9% trên tổng số hội viên nông dân (83.031 hội viên) (Hội Nông dân Thành phố Cần Thơ, 2024). Ở Hậu Giang, “các cấp hội nông dân trên địa bàn tỉnh đã vận động được 757 sổ bảo hiểm xã hội, đạt 76,37%, vượt xa so với mục tiêu đề ra và 991 thẻ bảo hiểm y tế, đạt 100% so với mục tiêu đề ra” (Thanh Tú, 2025). Ở Sóc Trăng, tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng đồng nghĩa với việc ngày càng có thêm nhiều người nông dân được đảm bảo chăm sóc sức khỏe. Hội nông dân tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, qua đó đã vận động được 1.210 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và 410 người tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình (Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng, 2024). Kết quả này góp phần giúp cho toàn dân, trong đó có người nông dân có được lưới an sinh một cách đầy đủ, có đủ khả năng để đối diện với các thách thức do BĐKH gây ra.

Mặc dù vậy, tỉ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thấp so với mục tiêu (<10% lực lượng lao động nông thôn). Nhiều nông dân chưa có thói quen tiết kiệm dài hạn, e ngại về quyền lợi, thủ tục bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, còn thiếu chính sách linh hoạt phù hợp với đặc thù thu nhập bấp bênh của nông dân. Vì thế, bảo hiểm xã hội tự nguyện chưa đủ hấp dẫn, thân thiện đối với người nông dân. Thực tế cho thấy, từ nội dung chính sách đến cách triển khai còn thiếu sự “thiết kế theo người dùng” - tức chưa xuất phát từ thực tế đời sống, thu nhập, hành vi tài chính và tâm lý của người dân nông thôn. Rõ ràng, rào cản kinh tế là một trong những rào cản lớn nhất đối với người nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Bởi lẽ, người nông dân có thu nhập không ổn định, phụ thuộc mùa vụ, dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, BĐKH; họ thường ưu tiên chi tiêu

ngắn hạn hơn là các khoản đóng góp dài hạn như bảo hiểm xã hội. Hơn nữa, người nông dân còn thiếu thói quen tiết kiệm dài hạn cho tuổi già là rào cản mang tính văn hóa và kinh tế, dẫn đến tâm lý “không cấp thiết” khi tiếp cận bảo hiểm xã hội tự nguyện.

3.2.3. Trợ giúp xã hội

Trợ giúp xã hội là một trong những chính sách mang tính nhân văn của Đảng và Nhà nước, giúp cho các nhóm yếu thế trong xã hội có thể vượt qua những rủi ro trong xã hội. Thời gian qua, các tỉnh trong vùng ĐBSCL thực hiện tương đối tốt các chính sách hỗ trợ nông dân là người nghèo, người cao tuổi, người tàn tật, v.v. theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP. Kết quả là, các địa phương trong vùng như thành phố Cần Thơ (cũ), An Giang (cũ), Sóc Trăng (cũ), Bạc Liêu (cũ)... đã thiết lập mạng lưới bảo trợ xã hội từ cấp tỉnh tới cấp xã. Hệ thống các trung tâm bảo trợ xã hội và dịch vụ công tác xã hội dần được phát triển, hướng đến tiếp cận dễ dàng đối với nông dân ở vùng nông thôn. Đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội ngày càng được mở rộng. Các nhóm xã hội yếu thế, dễ bị tổn thương (người cao tuổi, người khuyết tật, v.v.) đã từng bước tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội. Trong bối cảnh hạn hán, xâm nhập mặn và dịch COVID-19, các gói trợ giúp đột xuất như phát gạo, hỗ trợ tiền mặt, miễn giảm học phí, v.v. đã giúp nhiều người nông dân thuộc hộ nghèo và cận nghèo ở vùng nông thôn ổn định đời sống. Chính quyền địa phương triển khai kịp thời các gói hỗ trợ theo Nghị quyết 42/NQ-CP (2020), Nghị quyết 68/NQ-CP (2021) về hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch, trong đó có đối tượng nông dân.

Về trợ giúp xã hội thường xuyên, các địa phương vùng ĐBSCL đã tích cực hỗ trợ cho người nông dân nói riêng, người dân nói chung. Tính riêng năm 2024, thành phố Cần Thơ đã trợ cấp thường xuyên cho hơn 494.304 lượt đối tượng bảo trợ xã hội ở ngoài cộng đồng (bao gồm cả nông dân) với tổng kinh phí gần 300 tỉ đồng. Đảm bảo thực hiện đúng, đủ 100% các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ, 2024). Tính đến tháng 12/2024, tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã chi trả trợ giúp xã hội cho 50.814 đối tượng (bao gồm cả nông dân), với tổng kinh phí trên 368,7 tỉ đồng/năm. Trong đó, có 48.308 đối tượng bảo trợ xã hội được hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, với tổng kinh phí khoảng 356,1 tỉ đồng. 2.506 đối tượng khó khăn (nhóm mở rộng của tỉnh) được hỗ trợ từ ngân sách địa phương, với kinh phí hơn 12,6 tỉ đồng (Phuong Anh, 2025). Ước tính đến 2025, tổng chi phí chi trả trợ cấp xã hội trong năm 2025 là 3,78 tỉ đồng, tăng thêm khoảng 447,5 triệu đồng so với năm 2024 do mở rộng phạm vi và tăng số lượng đối tượng thụ hưởng (Phuong Anh, 2025). Cũng tính thời điểm tháng 9/2024, toàn tỉnh Tiền Giang (cũ) có gần 91.900 đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (bao gồm cả nông dân) hằng tháng tại cộng đồng của tỉnh, tổng kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội này lên đến trên 250 tỉ đồng (Mai Hà, 2024).

Về trợ giúp đột xuất, trong thời gian qua, xâm nhập mặn ở các địa phương ven biển đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân nói chung, nông dân nói riêng. Chẳng hạn ở Bạc Liêu (cũ), hạn mặn năm 2020 đã khiến cho khoảng trên 2.500 hộ dân bị ảnh hưởng, như thiếu nước phục vụ sản xuất, nuôi trồng

thủy sản và đặc biệt có 2.018 hộ gia đình là hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn thiếu dụng cụ chứa nước ngọt để sinh hoạt hàng ngày, rất cần sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, các tổ chức và xã hội để mua dụng cụ tích trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Vì thế, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban cứu trợ tỉnh đã tổng hợp theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị, thành phố và tổ chức họp xét cụ thể theo các thành phần thứ tự ưu tiên để tổ chức hỗ trợ trước, triển khai mua 1.015 bồn chứa nước ngọt, dung tích 1.000 lít hỗ trợ cho 1.015 hộ dân có hoàn cảnh khó khăn trong toàn tỉnh. Đồng thời xét và hỗ trợ khắc phục phần nào thiệt hại của 34 hộ dân về diện tích lúa do hạn hán, xâm nhập mặn gây ra, đây là những hộ thuộc gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn với tổng trị giá trên 1,5 tỉ đồng (Minh Hải, 2020).

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội vẫn còn một số hạn chế. Việc xác định đối tượng thụ hưởng đôi khi còn sai sót, thiếu cập nhật dẫn đến bỏ sót hoặc trùng lặp. Trợ giúp xã hội chủ yếu là hình thức hỗ trợ ngắn hạn, không bền vững. Hiện tượng xâm nhập mặn, lũ lụt, sạt lở đất gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế của nông dân, làm gia tăng đối tượng cần trợ giúp trong khi nguồn lực trợ giúp xã hội chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu an sinh cho nông dân. Mức hỗ trợ khôi phục sản xuất cho nông dân do tác động của thiên tai và dịch bệnh còn khá khiêm tốn.

Như vậy, các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL đã tích cực thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội, góp phần giúp cho người nông dân thuộc nhóm yếu thế trong cộng đồng vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chính sách này chưa thực sự hiệu quả để người nông dân vượt qua những thách thức, khó khăn do tác động tiêu cực của thiên nhiên và biến động xã hội. Đảm bảo ASXH cho các nhóm xã hội dễ tổn thương hiện nay vẫn còn là câu chuyện đầy gian nan và thách thức.

3.2.4. Tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Thời gian qua, các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL đã tích cực tạo cơ hội cho nông dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội thông qua nhiều chương trình, đề án như chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình vệ sinh môi trường và nước sạch, cụ thể như sau:

Về giáo dục, hệ thống trường học các cấp không ngừng tăng lên. Theo Tổng cục Thống kê, số xã có trường tiểu học, trường trung học cơ sở trong toàn vùng tăng lên. Nếu năm 2016, toàn vùng chỉ có 99,23% xã có trường tiểu học và 85,23% xã có trường trung học cơ sở thì đến năm 2020, tỉ lệ này lần lượt là 99,45% và 87,39% (Tổng cục Thống kê, 2020: 146, 148). Nhờ đó, cơ hội đến trường của các em học sinh ở nông thôn tăng lên. Tính đến năm 2024, toàn vùng có 249.945 học sinh đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó tiểu học có 140.751 em học sinh, trung học cơ sở có 91.879 em học sinh và trung học phổ thông có 17.315 em học sinh (Tổng cục Thống kê, 2024: 918).

Về y tế, hệ thống y tế đã được quan tâm đúng mức. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2016 toàn vùng có 1.279 xã, chiếm 98,92% xã có hệ thống y tế ở nông thôn, trong đó có 957 xã, chiếm 74,01% được công nhận chuẩn quốc gia về y tế xã. Đến năm 2020, toàn vùng có 99,13% xã có hệ thống y tế xã và 96,38% xã được công nhận chuẩn quốc gia về

y tế xã (Tổng cục Thống kê, 2020: 198). Số bác sỹ của trạm y tế đã tăng từ 1.277 người năm 2016 lên 1.285 người năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2020: 191). Số trạm y tế được xây dựng kiên cố đã tăng từ 99,77% năm 2016 đến 100% năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2020). Điều này góp phần gia tăng cơ hội chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn.

Về nước sạch và vệ sinh môi trường, hệ thống nước sạch cũng được quan tâm đúng mức. Theo Tổng cục Thống kê, tính đến năm 2020, toàn vùng có 893 xã có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đang hoạt động, chiếm 70,37% và có 2.144 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đang hoạt động (Tổng cục Thống kê, 2020: 221). Toàn vùng có 556 xã có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung, tăng 15 xã so với năm 2016. Có 1.103 xã có thu gom rác thải sinh hoạt và 4.346 thôn có thu gom rác thải sinh hoạt vào năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2020: 230).

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của nông dân vùng ĐBSCL còn tồn tại những bất cập cần tiếp tục hoàn thiện. Cụ thể, chất lượng dịch vụ y tế cơ sở vẫn còn thấp: Toàn vùng vẫn còn 17,65% xã có trạm y tế xây dựng bán kiên cố, cao hơn so với tỉ lệ chung cả nước (12,04%) (Tổng cục Thống kê, 2020: 203). Thiếu nhân lực y tế chất lượng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng bị chia cắt bởi kênh rạch. Tính đến năm 2020, toàn vùng chỉ có 0,97 bác sỹ trên 1 vạn dân của các trạm y tế xã, thấp hơn so với một số vùng kinh tế - xã hội khác (Tây Nguyên có 1,39 người/1 vạn dân; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có 1,38 người/1 vạn dân; Đồng bằng sông Hồng có 1,15 người/1 vạn dân). Thậm chí, số bác sỹ trên 1 vạn dân của vùng có xu hướng giảm từ 1,05 người/1 vạn dân năm 2016 xuống còn 0,97 người/1 vạn dân năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2020: 198). Sở dĩ như vậy là do các chính sách ưu đãi đối với bác sỹ tuyến cơ sở còn thấp; thiếu trang thiết bị để hành nghề; v.v.. Điều này cho thấy, nguồn nhân lực y tế, đặc biệt đội ngũ bác sỹ ở các trạm y tế xã đang có xu hướng thiếu nghiêm trọng nếu không có biện pháp tăng cường đội ngũ này về các trạm y tế xã. Do đó, chất lượng thăm khám sức khỏe cho người dân ở nông thôn, đặc biệt người dân ở vùng sâu, vùng lũ còn nhiều khó khăn. Về nước sạch, vẫn còn khoảng 10 - 15% hộ dân chưa tiếp cận được nước sạch ổn định trong mùa khô. Thực tế cho thấy, tình trạng “khát nước” của người nông dân ở các vùng biển do tình trạng xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng. Các hiện tượng sạt lở bờ sông, bờ biển tại ĐBSCL đang diễn biến ngày càng phức tạp, đe dọa trực tiếp đến đời sống và tài sản của nông dân. Trong bối cảnh đó, điều kiện nhà ở của nông dân, đặc biệt tại các khu vực ven sông và ven biển, còn bộc lộ nhiều hạn chế về mức độ an toàn, chất lượng nhà ở và khả năng chống chịu. Trong nửa đầu năm 2023, trên địa bàn huyện xảy ra 133 vụ thiên tai thì có tới 129 vụ sạt lở đất ven sông, làm hư hỏng trên 200 m kè bê tông, sập hoàn toàn 22 căn nhà, hư hỏng 9 căn nhà, thiệt hại 3.000 m² đất rừng và gần 2,3 km đường giao thông... Tổng thiệt hại ước tính gần 8 tỉ đồng (Hồng Đạt, Nhựt An, Thanh Liêm, Lan Phương, 2023). Vấn đề đặt ra là làm thế nào để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở và chất lượng nhà ở, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nông dân.

Như vậy, việc triển khai chính sách tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho người nông dân ở vùng ĐBSCL đã đạt được những kết quả khả quan. Mặc dù vậy, việc này vẫn còn

không ít thách thức như: chăm sóc sức khỏe, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; nhà ở thiếu an toàn ở những vùng sạt lở. Thực tế này đã làm hạn chế lợi ích an sinh của nông dân, các chính sách ASXH chưa thật sự đảm bảo an toàn cho người nông dân. Do đó, đảm bảo ASXH từ tiếp cận các dịch vụ xã hội cho nông dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong bối cảnh BĐKH, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân nói riêng và người dân nói chung, hướng đến phát triển bền vững kinh tế - xã hội của vùng.

4. Giải pháp đảm bảo an sinh xã hội đối với nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Bộ Chính trị đã nêu rõ tại Nghị quyết 42-NQ/TW: Hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia có chỉ số phát triển con người (HDI) cao trên thế giới. Mục tiêu là nâng cao chất lượng cuộc sống và hiện thực khát vọng hạnh phúc nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước đó, Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về “Phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH” ngày 17/11/2017 đã chỉ rõ “phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước. Gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo ASXH, bảo vệ môi trường”. Điều này cho thấy, trong bối cảnh xã hội chuyển đổi nhanh và tác động gia tăng của thiên tai và BĐKH mà người nông dân vùng ĐBSCL đang đối diện, việc đảm bảo ASXH cho nông dân càng trở nên cấp thiết hơn, góp phần đảm bảo an ninh con người, an toàn xã hội theo tinh thần chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để tiếp tục đảm bảo ASXH cho nông dân vùng ĐBSCL trong bối cảnh BĐKH một cách hiệu quả thì trong thời gian tới, một số giải pháp được đề xuất như sau:

Thứ nhất, hỗ trợ sinh kế dài hạn thay vì trợ cấp ngắn hạn, gắn với đào tạo nghề, ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp và thích ứng với BĐKH. Đây là một trong những giải pháp để giúp người nông dân có cơ hội việc làm ở khu vực chính thức, có thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống. Xác định hỗ trợ sinh kế dài hạn là giải pháp mang tính lâu dài, bền vững, cho nên các biện pháp hỗ trợ cũng phải thể hiện tính toàn vẹn, bao trùm và dài hơi. Thời gian tới, chính quyền địa phương hỗ trợ người nông dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp gắn với thích ứng BĐKH. Rà soát nhu cầu học nghề và lựa chọn các ngành nghề gắn với xu hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp để tạo ra chuỗi giá trị nông sản có chất lượng cao. Đầu tư hệ thống cảnh báo rủi ro hiện đại để dự báo thiên tai giúp giảm thiểu nguy cơ đến mức thấp nhất.

Thứ hai, tăng cường chính sách khuyến khích bảo hiểm xã hội tự nguyện theo nhóm ngành nghề và theo mùa vụ. Giải pháp này giúp cho người dân phòng ngừa rủi ro vì những tác động không mong muốn do thiên tai và con người tạo ra. Xây dựng chính sách đóng bảo hiểm xã hội linh hoạt theo mùa vụ. Cho phép nông dân đóng theo quý, theo mùa vụ hoặc theo vụ thu hoạch, thay vì đóng hàng tháng. Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với ngân hàng nông nghiệp, tổ chức tín dụng để hỗ trợ thu bảo hiểm xã hội đúng kỳ hạn mùa vụ. Chính quyền địa phương và các tổ chức như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ hỗ trợ phân loại, đăng ký nhóm nghề cho nông dân. Từ đó, thiết lập mức đóng

khuyến khích hoặc trợ giá một phần cho các nhóm: (1) Người trồng lúa quy mô nhỏ; (2) Lao động thủy sản tự do; và (3) Lao động thời vụ (làm thuê theo mùa). Tăng cường chính sách hỗ trợ tài chính cho nhóm dễ tổn thương thông qua các chính sách trợ cấp từ ngân sách nhà nước/tỉnh đối với người nghèo, cận nghèo, người lao động trên 55 tuổi còn khả năng lao động. Có thể hỗ trợ 20 - 30% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện trong 5 năm đầu tham gia, nhằm tạo thói quen và niềm tin ban đầu. Thực hiện các biện pháp trên là cơ sở để tăng độ phủ bảo hiểm tự nguyện trong nông dân.

Thứ ba, phân cấp mạnh hơn cho địa phương để linh hoạt hỗ trợ an sinh phù hợp đặc thù địa lý - văn hóa từng vùng. Mục tiêu của giải pháp là tăng quyền chủ động cho chính quyền cấp tỉnh trong thiết kế, triển khai và điều chỉnh chính sách ASXH. Đảm bảo chính sách tiếp cận theo địa bàn và đối tượng cụ thể, tăng tính công bằng và hiệu quả; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong quản lý xã hội, tận dụng tốt năng lực địa phương và cộng đồng. Từ đó, cho phép địa phương xây dựng mô hình thí điểm hỗ trợ an sinh theo nhóm dân cư/địa bàn đặc thù: vùng Khmer, vùng bãi bồi, vùng chuyển đổi nghề từ nông nghiệp sang các hoạt động phi nông nghiệp. Đề xuất điều chỉnh chuẩn nghèo theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa bàn, đặc biệt tại những khu vực có mức sống chênh lệch so với mặt bằng chung. Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ sinh kế và hệ thống ASXH phù hợp với đặc điểm đặc thù của nông dân vùng ĐBSCL. Đồng thời, trao quyền cho địa phương trong tái phân bổ ngân sách giữa các chương trình an sinh theo nhu cầu thực tế. Huy động nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, quỹ từ thiện, tổ chức tôn giáo, hợp tác xã, v.v.. Tạo cơ chế ủy quyền sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội địa phương trong các tình huống đặc biệt (thiên tai, thất nghiệp đột ngột, v.v.).

Thứ tư, nâng cao nhận thức người dân về ASXH. Một trong những nguyên nhân tạo ra rào cản trong thực hiện ASXH là từ phía người nông dân. Do nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của các trụ cột ASXH cho nên người nông dân vùng ĐBSCL vẫn còn thờ ơ, đặc biệt trong tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện. Vì vậy, chú trọng công tác truyền thông về ASXH theo hướng nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi tham gia của nông dân. Đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền thông qua phương tiện truyền thông đại chúng, các cuộc họp dân để người nông dân hiểu hơn về lợi ích của ASXH, đặc biệt là bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tăng cường truyền thông thông qua hệ thống chính trị cơ sở (xã, ấp, tổ nhân dân tự quản), đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, v.v.). Phát triển các tài liệu truyền thông bằng hình ảnh, clip ngắn, ngôn ngữ địa phương (tiếng Khmer, tiếng Chăm nếu cần). Sử dụng các hình thức sân khấu hóa, loa truyền thanh nông thôn, mạng lưới quan hệ xã hội ở địa bàn cư trú. Lồng ghép trong các hoạt động cộng đồng như tổ chức các buổi truyền thông tại chợ, phiên họp dân, lễ hội, ngày hội nông thôn mới. Kết hợp truyền thông chính sách với hoạt động tư vấn khám sức khỏe, tập huấn kỹ thuật nông nghiệp, sinh hoạt văn hóa.

Thứ năm, đẩy mạnh số hóa các trụ cột ASXH cho nông dân. Trong bối cảnh BĐKH tại ĐBSCL diễn biến ngày càng phức tạp, quá trình số hóa các trụ cột ASXH có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao tính chính xác, kịp thời và hiệu quả của các chính sách ASXH đối với nông dân. Trước hết, đẩy mạnh phát triển hệ thống dữ liệu số phục vụ công tác triển khai thực hiện chính sách ASXH đối với nông dân; xây dựng bản đồ số

về vùng sản xuất nông nghiệp gắn với dự báo tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, giúp nông dân chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất. Các địa phương trong vùng tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong kết nối thông tin thị trường lao động, góp phần liên kết lao động nông thôn trong thời gian nông nhàn với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu, qua đó giảm áp lực di cư tự phát.

Bên cạnh đó, các địa phương chú trọng thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ ASXH cho nông dân, đặc biệt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa. Tích hợp hình thức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thông qua tài khoản viễn thông sẽ góp phần mở rộng khả năng tiếp cận đối với những người không có tài khoản ngân hàng. Đối với các khoản hỗ trợ đột xuất do tác động của biến đổi khí hậu, đẩy mạnh ưu tiên các hình thức chi trả không dùng tiền mặt thông qua ví điện tử hoặc gắn với số định danh cá nhân nhằm bảo đảm tính minh bạch và rút ngắn thời gian chi trả hỗ trợ. Ngoài ra, trong điều kiện kết nối giao thông bị gián đoạn do sạt lở hoặc ngập lụt, việc triển khai các giải pháp y tế số và tư vấn từ xa sẽ góp phần duy trì khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe của nông dân.

5. Kết luận

Như vậy, đảm bảo ASXH cho người nông dân trong bối cảnh BĐKH không chỉ là yêu cầu cấp thiết về nhân đạo, mà còn là chiến lược phát triển dài hạn về kinh tế - xã hội, bảo vệ con người, ổn định vùng trọng điểm quốc gia. Thực tiễn những năm qua cho thấy, các chính sách ASXH tại vùng ĐBSCL đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc tạo việc làm bền vững, mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, triển khai trợ giúp xã hội và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch. Tuy nhiên, những hạn chế cố hữu như tỉ lệ lao động phi chính thức cao, mức độ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thấp, chất lượng dịch vụ y tế cơ sở chưa đảm bảo cùng nhận thức hạn chế của người dân đã và đang làm giảm hiệu quả của hệ thống an sinh. Vì thế, triển khai các giải pháp mang tính đồng bộ để tiếp tục đảm bảo ASXH trở thành “bệ đỡ” thực chất nhằm giúp người nông dân vùng ĐBSCL có chất lượng cuộc sống tốt hơn, với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, góp phần hiện thực hóa khát vọng hạnh phúc của nhân dân.

Tài liệu tham khảo

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng. (20/12/2024). Báo cáo tổng kết công tác phối hợp thông tin, truyền thông chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2024 và phương hướng thực hiện năm 2025 (Số: 3160/BC-BHXH).
2. Cục Biến đổi khí hậu. (22/10/2025). *Đồng bằng sông Cửu Long trước vòng xoáy hạn - mặn cực đoan*. <https://dcc.mae.gov.vn/dong-bang-song-cuu-long-truoc-vong-xoay-han-man-cuc-oan-3751.htm>
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019). *Văn kiện Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới. Phần I (VI, VII, VIII, IX)*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hà My. (20/5/2024). Tác động của Biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó cho Đồng bằng sông Cửu Long. <https://kinhtemoitruong.vn/tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-va-giai-phap-ung-pho-cho-dong-bang-song-cuu-long-88200.html>

6. Hoàng Văn. (2022). *Hạn mặn ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Kinh tế nông thôn. <https://kinhtenongthon.vn/Han-man-anh-huong-lon-den-phat-trien-kinh-te-vung-DBSCL-post53257.html>
7. Hồng Đạt - Nhật An - Thanh Liêm - Lan Phương. (2023). Đồng bằng sông Cửu Long “tồn thương” vì sạt lở. <https://mega.vietnamplus.vn/sat-lo-dien-bien-bat-thuong-khaph-dong-bang-song-cuu-long-5439.html>
8. Hội Nông dân thành phố Cần Thơ. (16/9/2024). *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện 9 tháng đầu năm 2024*. (Số: 154-BC/HNDT).
9. ILO. (2024). *Báo cáo an sinh xã hội thế giới năm 2024 - 2026 (báo cáo đồng hành khu vực châu Á - Thái Bình Dương)*. Báo cáo trọng điểm của ILO.
10. Mai Hà. (03/12/2024). Tiền Giang: Thực hiện tốt chính sách bảo trợ xã hội. <https://baodongthap.vn/tien-giang-thuc-hien-tot-chinh-sach-bao-tro-xa-hoi-a101881.html>
11. Minh Hải. (07/8/2020). Hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai. ubmttq.baclieu.gov.vn
12. Nguyễn Tiến Dũng và Phan Thuận. (2024). *Sinh kế bền vững của cư dân vùng hạn mặn thích ứng với Biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb. Lý luận Chính trị. Hà Nội.
13. Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Viết Thông. (2016). *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
14. Phương Anh. (27/6/2025). Sóc Trăng nâng mức trợ giúp xã hội lên 500.000 đồng/tháng từ 7/2025. <https://laodong.vn/thoi-su/soc-trang-nang-muc-tro-giup-xa-hoi-len-500000-dongthang-tu-72025-1531076.ldo>
15. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ. (14/12/2024). *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trong lĩnh vực Lao động, Người có công và xã hội*.
16. Thanh Tú. (09/10/2025). *Lan tỏa giá trị những trụ cột an sinh tại Hậu Giang*. Tạp chí Bảo hiểm xã hội. <https://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/lan-toa-gia-tri-nhung-tru-cot-an-sinh-tai-hau-giang-134467.html>
17. Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ). (11/2013). *Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020*.
18. Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
19. Tổng cục Thống kê. (2023). *Kết quả điều tra lao động và việc làm năm 2023*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
20. Tổng cục Thống kê. (2023a). *Kết quả chủ yếu điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2023*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
21. Tổng cục Thống kê. (2024). *Niên giám thống kê năm 2024*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
22. Võ Khánh Vinh. (2011). *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền kinh tế, văn hóa và xã hội*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.